

Bản án số:125/2017/DS-ST.
Ngày: 26-7-2017.
V/v “tranh chấp hợp đồng góp
hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin.

Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2017 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2017/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị G, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu vực V, thị trấn H, huyện H, tỉnh L (có mặt).

- Bị đơn:

Bà Cao Thị Cẩm T, sinh năm 1964.

Ông Võ Văn T, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đức H, huyện H, tỉnh L. (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Cao Văn T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu vực V, thị trấn H, huyện H, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Võ Thị G trình bày như sau:

Từ năm 2015 bà có tham gia góp nhiều dây hụi do bà Cao Thị Cẩm T làm thảo hụi. Đến tháng 02 năm 2016 bà T tuyên bố vỡ hụi. Ngày 25/3/2016 bà T tính tiền hụi và ghi giấy mượn tiền còn nợ bà số tiền 81.800.000 đồng, sau đó bà T trả dần được 29.900.000 đồng, bà T còn nợ bà số tiền 51.900.000 đồng. Trong quá trình tham gia góp hụi, ông Võ Văn T là chồng của bà T nhận tiền hụi của bà. Nay bà yêu cầu bà T và ông L liên đới trả cho bà số tiền 51.900.000 đồng, bà không đồng ý cho bà T và ông L trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Bị đơn bà Cao Thị Cẩm T trình bày: Bà xác nhận có nợ tiền hụi bà G 51.900.000 đồng. Nay bà G yêu cầu bà trả số tiền này bà đồng ý nhưng vì hoàn cảnh khó khăn bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Việc bà làm thảo hụi ông L có biết nhưng không biết bà thiếu nợ bà G bao nhiêu tiền. Việc bà làm thảo hụi là để kiếm tiền lời lo chi phí sinh hoạt gia đình nhưng do các hụi viên khác giựt nợ nên bà mất khả năng thanh toán tiền hụi cho bà G.

Bị đơn ông L trình bày: Việc bà T thiếu tiền hụi của bà G ông không biết, ông có đi lấy tiền hụi bà G là do bà T nhờ ông lấy giùm. Nay bà G yêu cầu ông liên đới với bà T trả số tiền 51.900.000 đồng với trách nhiệm là vợ chồng ông cũng đồng ý nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T trình bày: Ông là chồng của bà G, việc bà G kiện bà T và ông L đòi số tiền 51.900.000 đồng ông để cho bà G tự giải quyết với bà T và ông L, ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Vì bận việc ông xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử của tòa án các cấp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau nên tòa án hòa giải không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Qua yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị G đối với bà Cao Thị Cẩm T và ông Võ Văn T. Hội đồng xét thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết là: Tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”, bà Võ Thị G có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại Điều 26, 35, 39, 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà Võ Thị G tại phiên tòa, thấy rằng bà Võ Thị G có tham gia góp hụi do bà Cao Thị Cẩm T làm thảo hụi, Ngày 25/3/2016 bà T tính tiền hụi và ghi giấy mượn tiền còn nợ bà G số tiền 81.800.000 đồng, sau đó bà T trả dần được 29.900.000 đồng, còn nợ lại số tiền 51.900.000 đồng.

[3] Trước tòa bà Cao Thị Cẩm T thừa nhận còn nợ bà Võ Thị G số tiền 51.900.000 đồng. Việc hai bên thống nhất số tiền nợ là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Việc bà T xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền 51.900.000 đồng nhưng không được bà Võ Thị G đồng ý. Căn cứ giấy mượn tiền ngày 25/3/2016 nội dung thể hiện bà T nợ tiền hụi của bà G là 81.800.000 đồng, bà T hứa đến ngày 25/5/2016 sẽ trả hết cho bà G số tiền này nhưng cho đến nay bà T chưa trả xong và còn nợ lại bà T số tiền 51.900.000 đồng là vi phạm lời cam kết. Do đó, bà T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ cho bà G.

[5] Đối với ông L cho rằng việc bà T nợ tiền hụi của bà G bao nhiêu ông L không biết, ông L chỉ lấy tiền hụi giùm cho bà G nhưng trách nhiệm vợ chồng ông đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nên buộc ông Võ Văn T có nghĩa vụ liên đới với bà Cao Thị Cẩm T trả số tiền 51.900.000.000 đồng cho bà Võ Thị G.

[6] Bà Cao Thị Cẩm T và ông Võ Văn T phải liên đới chịu án phí đối với yêu cầu của bà Võ Thị G được chấp nhận số tiền 51.900.000 đồng, tiền án phí là 2.595.000 đồng theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 184, 186, 273, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị G về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” đối với bà Cao Thị Cẩm T và ông Võ Văn T.

Buộc bà Cao Thị Cẩm T và ông Võ Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Võ Thị G số tiền 51.900.000.000 đồng (năm mươi một triệu chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên có nghĩa vụ chưa thi hành số tiền thì còn phải chịu lãi suất do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

2. Án phí: Bà Cao Thị Cẩm T và ông Võ Văn T liên đới chịu 2.595.000 đồng án phí DSST sung công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho bà Võ Thị G tiền tạm ứng án phí 738.750 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000664 ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Án sơ thẩm xét xử công khai. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên)

Trần Thị Kim Thanh